

Bản án số: 194/2019/HS-PT

Ngày: 27-11-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 140/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Duy N, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo kháng cáo:

Bị cáo **Nguyễn Duy N**, sinh năm 1971 tại huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký NKTT: đường L, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: đường L, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc kinh; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Duy R, sinh năm 1934 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1933; vợ Lương Thị Minh H (đã ly hôn); con 02 người lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền sự không; tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2019 đến ngày 08/7/2019 được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy N : Luật sư Bùi Thị T, Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, trong vụ án này có 01 bị cáo không có kháng cáo là Nguyễn Thị B , sinh năm 1973; Nơi sinh: huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01 năm 2019 (âm lịch), Nguyễn Thị B khi đi du lịch tại huyện K, tỉnh Kiên Giang có gặp người phụ nữ khoảng 40 tuổi, nói giọng miền Nam (không rõ nhân thân, địa chỉ) sau đó xin số điện thoại của B để liên lạc.

Đến khoảng 09 giờ ngày 07/3/2019, người phụ nữ trên gọi điện thoại di động cho B hỏi “*có muốn làm ăn không*”, thì B hỏi làm gì, người phụ nữ trả lời “*chở thuốc lá*”, B hỏi thời gian và địa điểm thì người phụ nữ trả lời “*đầu giờ chiều, chờ hàng từ huyện K đi về huyện U, tỉnh Kiên Giang, hứa trả tiền công cho B là 4.000.000đ/chuyến, khi nào đi thì có người gọi*”, thì B đồng ý. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị B đến nhà của Trương Mỹ N1 thuộc ấp M, xã T, huyện A gặp Nguyễn Duy N (N sống chung như vợ chồng với N1) để thuê xe ô tô của N đi đến chợ K, thuộc huyện K, Kiên Giang để chở thuốc lá từ K đi đến ngã ba C, huyện U. Khi thuê xe ô tô, B nói với N thuê xe đi chở hàng, thì N đồng ý, N thỏa thuận với B giá thuê xe là 1.700.000đ/chuyến. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, N điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Jolie, biển kiểm soát 52T-6292 (xe của N đứng tên chủ sở hữu), chạy chở B từ xã T, huyện A đi huyện K. Trên đường đi, B và người phụ nữ liên lạc gặp nhau để nhận thuốc lá điếu, lúc này B nói cho N biết thuê xe đi chở thuốc lá thuê từ K đi C, huyện U, trả công 4.000.000đ/chuyến, B hứa trả thêm tiền công cho N , thì N đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, N điều khiển xe ô tô đi đến bãi đất trống (tại địa điểm không xác định) thuộc huyện K thì gặp một người phụ nữ đeo khẩu trang và một người đàn ông lạ mặt, không nhận dạng được. Người phụ nữ kêu N xuống xe đợi, người đàn ông này điều khiển xe ô tô của N chở B và người phụ nữ đi vào hẻm bên trái (theo hướng huyện K đi thành phố H) một đoạn đường cách đó khoảng 200m, đến bãi đất trống có để thuốc lá điếu sẵn. Khi đến nơi,

người đàn ông và người phụ nữ mở cốp xe ô tô mang thuốc lá điều để trên xe, rồi đóng cốp xe ô tô lại. Người đàn ông điều khiển xe ô tô chở B và người phụ nữ đến chỗ N, rồi giao xe ô tô biển kiểm soát 52T-6292 lại cho N, người đàn ông và người phụ nữ lên xe ô tô (không xác định được loại xe và biển kiểm soát) điều khiển chạy đi nơi khác. Sau khi nhận lại phương tiện, N điều khiển xe ô tô chở số thuốc lá nói trên cùng B đi hướng chợ C, huyện U. Đến khoảng 02 giờ 40 phút ngày 08/3/2019, khi N điều khiển xe ô tô 52T - 6292 chạy đến đoạn đường thuộc ấp X, xã T, huyện U thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U ra tín hiệu cho xe dừng lại để kiểm tra, phát hiện trên xe chở số thuốc lá điều nhập lậu, tiến hành lập biên bản bắt quả tang, kiểm đếm công khai có tổng cộng 7.980 bao thuốc lá điều hiệu HERO, 440 bao thuốc lá điều hiệu SCOTT và 300 bao thuốc lá điều hiệu JET.

Vật chứng thu giữ:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U đã tạm giữ gồm:

- + 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu MITSUBISHI JOLIE, màu xám, biển kiểm soát 52T-6292, số máy 4G63VZ-01125, số khung B2W-21000105, đã qua sử dụng;
- + 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số 0018290, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2006, mang tên Nguyễn Duy N ;
- + 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 8314282, ngày 29/01/2019;
- + 01 (một) giấy phép lái xe số 790141903224, mang tên Nguyễn Duy N, do Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/5/2017;
- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell M218, kèm theo máy 01 sim điện thoại Vinaphone số 0832278609 của bị can Nguyễn Thị B ;
- + 7980 (bảy ngàn chín trăm tám mươi) bao thuốc lá nhãn hiệu HERO còn nguyên trong hộp (có mở kiểm tra 01 hộp = 10 bao thuốc lá điều);
- + 300 (ba trăm) bao thuốc lá nhãn hiệu JET còn nguyên trong hộp (có mở kiểm tra 01 hộp = 10 bao thuốc lá điều);
- + 440 (bốn trăm bốn mươi) bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT còn nguyên trong hộp (có mở kiểm tra 01 hộp = 10 bao thuốc lá điều);
- + 10 (mười) bao nilon màu trắng loại bao 50kg, dùng đựng thuốc lá điều, đã qua sử dụng;
- + 10 (mười) cái bọc nhựa, màu đen, đã bị rách do quá trình tháo gỡ bọc kiểm tra thuốc lá điều đựng trong bọc nhựa, đã qua sử dụng;

+ 10 (mười) cái bọc nhựa, màu trắng, đã bị rách do quá trình tháo gỡ bọc kiểm tra thuốc lá điều đọng trong bọc nhựa, đã qua sử dụng.

** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị B và Nguyễn Duy N phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị B .

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị B 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2019 đến ngày 12/7/2019.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Duy N .

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy N 02 (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2019 đến ngày 08/7/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/9/2019, bị cáo Nguyễn Duy N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã xét xử bị cáo về tội “ Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự là đúng tội. Tuy nhiên, bị cáo xin được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo với lý do: bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức giản đơn, bản thân ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, chưa có tiền án tiền sự; gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, cha ruột được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ ruột được tặng huy chương

kháng chiến hạng nhì; hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn phải lo cho gia đình, nuôi con học, cha mẹ già yếu, bệnh tật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy N về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Khoảng 09 giờ ngày 07/3/2019, người phụ nữ gọi điện thoại di động cho B hỏi “*có muốn làm ăn không*”, B hỏi làm gì, người phụ nữ trả lời “*chở thuốc lá*”, B hỏi thời gian và địa điểm thì người phụ nữ trả lời “*đầu giờ chiều, chờ hàng từ huyện K đi về C, huyện U, tỉnh Kiên Giang, hứa trả tiền công cho B là 4.000.000đ/chuyến, khi nào đi thì có người gọi*”, thì B đồng ý. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị B đến nhà của Trương Mỹ N1 thuộc ấp M, xã T, huyện A gặp Nguyễn Duy N (N sống chung như vợ chồng với N1) để thuê xe ô tô của N đi đến chợ K, thuộc huyện K, tỉnh Kiên Giang để chở thuốc lá từ K đi đến ngã ba C, huyện U. Khi thuê xe ô tô, B nói với N thuê xe đi chở hàng, thì N đồng ý, N thỏa thuận với B giá thuê xe là 1.700.000đ/chuyến. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, N điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Jolie, biển kiểm soát 52T-6292 (xe của N đứng tên chủ sở hữu), chạy chở B từ xã T, huyện A đi huyện K. Trên đường đi, B và người phụ nữ liên lạc gặp nhau để nhận thuốc lá điều, lúc này B nói cho N biết thuê xe đi chở thuốc lá thuê từ K đi C, huyện U, trả công 4.000.000đ/chuyến, B hứa trả thêm tiền công cho N, thì N đồng ý. Đến khoảng 02 giờ 40 phút ngày 08/3/2019, khi N điều khiển xe ô tô 52T - 6292 chạy đến đoạn đường thuộc ấp X, xã T, huyện U thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U ra tín hiệu cho xe dừng lại để kiểm tra, phát hiện trên xe chở số thuốc lá điều nhập lậu, tiến hành lập biên bản bắt quả tang, kiểm đếm công khai có tổng cộng 7.980 bao thuốc lá điều hiệu HERO, 440 bao thuốc lá điều hiệu SCOTT và 300 bao thuốc

lá hiệu JET. Bản án sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã xét xử bị cáo Nguyễn Duy N về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Duy N và người bào chữa cho bị cáo N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo với lý do bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức giản đơn, bản thân ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, chưa có tiền án tiền sự; gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, cha ruột được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ ruột được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì; hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn phải lo cho gia đình, nuôi con học, cha mẹ già yếu, bệnh tật. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà bị cáo đã gây ra và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung nhằm lập lại an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo N.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên:

Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng Quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy N, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy N , giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

1- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Duy N .

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy N 02 (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2019 đến ngày 08/7/2019.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Duy N phải nộp 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Luật sư (1)
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhiên